PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG XANH TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

TS. Nghiêm Văn Bảy* - ThS. Phan Thị Nghĩa Bình**

Trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh thực hiện các cam kết về tăng trưởng xanh, giảm phát thải và chuyển dịch sang mô hình kinh tế bền vững, phát triển tín dụng xanh ngày càng trở thành một yêu cầu quan trọng đối với hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy hoạt động tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức. Một mặt, khung pháp lý và hệ thống tiêu chí phân loại dự án xanh chưa hoàn thiện làm gia tăng khó khăn trong việc xác định đối tượng cấp tín dụng, xây dựng sản phẩm, đo lường hiệu quả môi trường và kiểm soát rủi ro "tẩy xanh". Mặt khác, quá trình triển khai tín dụng xanh đòi hỏi chi phí thẩm định, giám sát và thu thập dữ liệu cao hơn so với tín dụng thông thường, trong khi cơ chế ưu đãi, chia sẻ rủi ro và các công cụ hỗ trợ thị trường chưa đủ mạnh để tạo động lực cho ngân hàng mở rộng danh mục tín dụng xanh một cách thực chất. Bằng phương pháp phân tích nội dung, bài báo đánh giá các kết quả cơ bản đã đạt được, đồng thời nhận diện một cách hệ thống các cơ hội và thách thức trong phát triển tín dụng xanh tại các NHTM gắn với bối cảnh thể chế và điều kiện thị trường đặc thù của Việt Nam, qua đó góp phần cung cấp cơ sở đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy tín dụng xanh trong giai đoạn tới.

• Từ khóa: *tín dụng xanh; ngân hàng thương mại; Việt Nam.*

In the context of Vietnam accelerating its commitments to green growth, emission reduction, and transitioning to a sustainable economic model, the development of green credit has increasingly become a critical requirement for the banking system. However, practical evidence shows that green credit activities at Vietnamese commercial banks are still facing numerous challenges. On one hand, an incomplete legal framework and a lack of specific environmental criteria for classifying green projects increase difficulties in identifying eligible credit recipients, developing products, measuring environmental performance, and controlling "greenwashing" risks. On the other hand, the implementation of green credit requires higher costs for appraisal, monitoring, and data collection compared to conventional credit, while incentives, risk-sharing mechanisms, and market support tools are not yet strong enough to motivate banks to substantively expand their green credit portfolios. By employing a content analysis method, this paper evaluates the fundamental results achieved, while systematically identifying the opportunities and challenges in developing green credit at commercial banks associated with Vietnam's specific institutional context and market conditions. Thereby, it contributes to providing a basis for proposing appropriate solutions to promote green credit in the coming period.

• Key words: *green credit; commercial banks; Vietnam.*

Ngày nhận bài: 30/01/2026
Ngày gửi phản biện: 18/02/2026
Ngày duyệt đăng: 07/4/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i311.14

1. Đặt vấn đề

Khái niệm tín dụng xanh đã được tiếp cận dưới nhiều góc độ trong các nghiên cứu và thực tiễn chính sách. Theo Aizawa và Yang (2010), tín dụng xanh là một cơ chế tài chính trong đó các ngân hàng sử dụng công cụ tín dụng để khuyến khích các hoạt động thân thiện với môi trường, đồng thời hạn chế cấp vốn cho các ngành gây ô nhiễm, qua đó hỗ trợ mục tiêu phát triển bền vững. Đồng quan điểm, Zhang và cộng sự (2011) cho rằng tín dụng xanh không chỉ là việc cung ứng vốn cho các dự án xanh, mà còn bao hàm việc tích hợp các tiêu chí môi trường vào quá trình thẩm định và quản trị rủi ro tín dụng, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của hoạt động kinh tế đối với môi trường. Tại Việt Nam, theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, tín dụng xanh được hiểu là tín dụng được cấp cho các dự án sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu; quản lý chất thải; cải thiện chất lượng môi trường; bảo tồn đa dạng sinh học và các dự án khác có lợi cho môi trường. Từ cách tiếp cận này có thể khái quát tín dụng xanh là hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng được thiết kế và triển khai trên cơ sở lồng ghép các yếu tố môi trường vào chính sách, quy trình và tiêu chuẩn cho vay, hướng tới tài trợ cho các dự án có tác động tích cực đến môi trường và góp phần giảm phát thải.

Vai trò của tín dụng xanh đối với nền kinh tế và hệ thống ngân hàng cũng đã được nhiều nghiên

** Học viện Tài chính; nghiemvanbayhvtc@yahoo.com*
*** Trường Đại học Hải Phòng; email: binhptn89@dhhp.edu.vn*

cứu nhấn mạnh. Theo Aizawa và Yang (2010), tín dụng xanh tạo ra một cơ chế điều hướng dòng vốn, giúp các dự án thân thiện môi trường có cơ hội tiếp cận nguồn lực tài chính tốt hơn, đồng thời tạo sức ép buộc doanh nghiệp trong các ngành gây ô nhiễm phải cải thiện công nghệ và tuân thủ tiêu chuẩn môi trường. Đồng thời, nghiên cứu của Liu và cộng sự (2015) cũng chỉ ra rằng tín dụng xanh góp phần làm giảm mức độ ô nhiễm công nghiệp thông qua việc điều chỉnh hành vi đầu tư và sản xuất của doanh nghiệp, qua đó hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh. Đối với NHTM, tín dụng xanh không chỉ giúp mở rộng thị trường tín dụng trong các lĩnh vực mới như năng lượng tái tạo và công nghệ sạch, mà còn giúp nâng cao năng lực quản trị rủi ro môi trường và xã hội (MTXH), giảm thiểu các rủi ro tín dụng phát sinh từ các dự án có tác động tiêu cực đến môi trường (He, 2019; Huang, 2020; Xie, 2020). Với vai trò không thể phủ nhận của mình, tín dụng xanh được xem là công cụ quan trọng để vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững, vừa nâng cao chất lượng danh mục tín dụng và năng lực cạnh tranh của ngân hàng trong bối cảnh yêu cầu ESG ngày càng gia tăng.

Không nằm ngoài xu thế chuyển dịch toàn cầu, tại COP26, Việt Nam đã cam kết đạt mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050, thể hiện quyết tâm mạnh mẽ trong thực hiện các mục tiêu khí hậu. Theo ước tính của World Bank (2022), nhu cầu vốn cho quá trình chuyển đổi xanh của Việt Nam có thể lên tới khoảng 368 tỷ USD đến năm 2040. Đây là một thách thức khổng lồ nhưng cũng là cơ hội mang tính bước ngoặt để Việt Nam thay đổi mô hình tăng trưởng, qua đó mở ra không gian rộng lớn cho khu vực tài chính ngân hàng trong việc huy động và phân bổ nguồn lực. Thông qua tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo, hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu, sản xuất sạch hơn và công nghệ tiết kiệm năng lượng, các ngân hàng không chỉ góp phần hiện thực hóa cam kết quốc gia về trung hòa carbon mà còn mở rộng dư nợ, đa dạng hóa danh mục tài sản và nâng cao chất lượng khách hàng. Để thúc đẩy thực hiện cam kết này, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều quyết định, thông tư và văn bản hướng dẫn nhằm phát triển tài chính xanh nói chung và tín dụng xanh nói riêng, như Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam, các quy định về quản lý rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, và gần đây là Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg về danh mục phân loại xanh làm cơ sở xác định dự án đủ điều kiện tiếp cận nguồn vốn xanh. Nhờ đó, tín dụng xanh tại Việt Nam ghi nhận tốc độ tăng trưởng trên 21% trong giai đoạn 2017-2024, phản ánh sự dịch chuyển ngày càng rõ nét của dòng vốn ngân hàng vào các lĩnh vực thân thiện với môi trường. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển tín dụng xanh tại Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức liên quan tới việc thiếu đồng bộ về khung pháp lý, hạn chế dữ liệu môi trường và năng lực đánh giá rủi ro MTXH, cơ chế ưu đãi chưa đủ mạnh, cũng như mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn xanh. Từ các luận điểm trên, bài báo hướng tới mục tiêu làm rõ ba nội dung trọng tâm, bao gồm: (i) phân tích thực trạng phát triển tín dụng xanh tại các NHTM Việt Nam thông qua các biểu hiện về quy mô, tốc độ tăng trưởng và mức độ tham gia; (ii) nhận diện các cơ hội và thách thức đặt ra; và (iii) đề xuất các hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy tín dụng xanh trong giai đoạn tới.

2. Một số kết quả đạt được

Trong giai đoạn vừa qua, hoạt động tín dụng xanh đã ghi nhận nhiều kết quả tích cực và từng bước khẳng định vai trò trong chiến lược phát triển bền vững của hệ thống ngân hàng.

Theo số liệu thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, dư nợ tín dụng xanh trong giai đoạn 2017-2024 ghi nhận xu hướng tăng trưởng liên tục cả về quy mô lẫn số lượng tổ chức tín dụng tham gia. Tính đến cuối năm 2024, đã có 50 tổ chức tín dụng phát sinh dư nợ tín dụng xanh, với tổng quy mô trên 680 nghìn tỷ đồng, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 21,2%, cao hơn đáng kể so với tốc độ tăng trưởng tín dụng chung của toàn hệ thống. Kết quả này phản ánh xu hướng dịch chuyển của dòng vốn tín dụng theo hướng ưu tiên các lĩnh vực thân thiện với môi trường, phù hợp với định hướng tăng trưởng xanh và mục tiêu phát triển bền vững của nền kinh tế. Xét trong tương quan với tổng dư nợ tín dụng toàn hệ thống, tỷ trọng tín dụng xanh đến cuối năm 2024 mới chỉ chiếm trên 4%. Điều này cho thấy mặc dù đã có sự thúc đẩy mạnh mẽ về mặt chính sách và thực tiễn triển khai, tín dụng xanh vẫn chưa trở thành cấu phần chủ đạo trong danh mục tín dụng của phần lớn tổ chức tín dụng. Đồng thời, thực tế này cũng hàm ý rằng dư địa mở rộng tín dụng xanh trong thời gian tới còn rất lớn, đặc biệt trong bối cảnh yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững ngày càng trở nên cấp thiết.

Hình 1: Dư nợ và tốc độ tăng trưởng tín dụng xanh giai đoạn 2017 - 2024

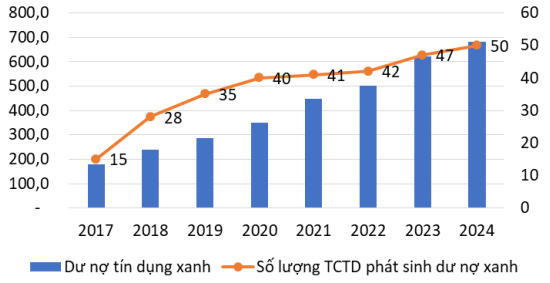

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Hình 2: Sự tham gia của các ngân hàng vào hoạt động tín dụng xanh

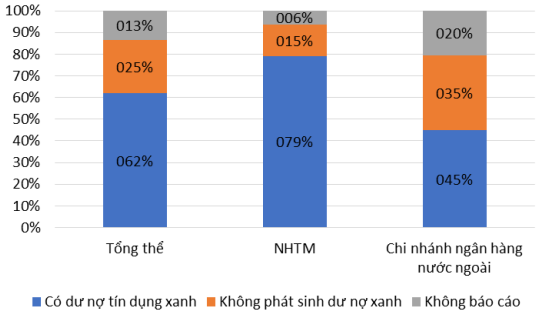

Nguồn: Nguyễn Kim Anh, 2023

Trong toàn hệ thống, nhóm NHTM giữ vai trò trung tâm trong quá trình phát triển tín dụng xanh, thể hiện cả ở quy mô dư nợ lẫn mức độ tham gia. Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, các NHTM đóng góp khoảng 88% tổng dư nợ tín dụng xanh toàn hệ thống, qua đó khẳng định vị thế chủ lực trong việc dẫn dắt dòng vốn hướng tới các lĩnh vực thân thiện với môi trường. Đồng thời, NHTM cũng là nhóm thể hiện mức độ chủ động cao nhất, với 79,17% số đơn vị có phát sinh dư nợ tín dụng xanh, trong khi tỷ lệ chưa phát sinh dư nợ và không báo cáo ở mức tương đối thấp. Tuy nhiên, vẫn tồn tại sự phân hóa đáng kể về quy mô và mức độ triển khai giữa các NHTM, dư nợ tín dụng xanh tập trung chủ yếu tại một số ngân hàng quy mô lớn, đặc biệt là các ngân hàng có yếu tố sở hữu nhà nước, trong khi nhiều ngân hàng khác mới ở giai đoạn khởi động hoặc triển khai mang tính thí điểm.

Bảng 1: Một số NHTM tiêu biểu có thị phần tín dụng xanh lớn trong toàn hệ thống

TT	Ngân hàng	Tỷ trọng tín dụng xanh/ Tổng dư nợ tín dụng	Thị phần tín dụng xanh
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3,9%	11,9%
2	Ngân hàng TMCP Quân Đội	8,1%	9,6%
3	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	2,8%	7,0%
4	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2,5%	6,3%
5	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	1,7%	4,2%

Tổng hợp của tác giả từ Báo cáo thường niên các ngân hàng năm 2024

Bảng 1 cho thấy dư nợ tín dụng xanh có mức độ tập trung tương đối cao vào một số ngân hàng quy mô lớn. Cụ thể, 5 ngân hàng bao gồm Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân Đội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đang nắm giữ gần 40% thị phần tín dụng xanh toàn hệ thống. Tỷ trọng tín dụng xanh trong tổng dư nợ của từng ngân hàng cũng có sự khác biệt đáng kể, phản ánh mức độ ưu tiên trong chiến lược kinh doanh chưa đồng đều. Điều này hàm ý rằng cần tiếp tục hoàn thiện khung chính sách và cơ chế khuyến khích nhằm thúc đẩy sự phát triển cân bằng, hiệu quả và bền vững hơn của tín dụng xanh.

3. Cơ hội và thách thức

Trên nền tảng các kết quả đạt được, phát triển tín dụng xanh tại Việt Nam bước sang giai đoạn mới với cả cơ hội mở rộng và những thách thức mang tính hệ thống.

Cơ hội

Thứ nhất, việc ban hành và sửa đổi các văn bản pháp lý theo hướng khuyến khích tài chính xanh tạo hành lang thể chế thuận lợi cho mở rộng tín dụng. Quy định cho phép các ngân hàng gia tăng tỷ lệ cho vay không có tài sản bảo đảm đối với các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn hoặc dự án xanh giúp chuyển dịch phương thức cấp tín dụng từ dựa chủ yếu vào tài sản thế chấp sang dựa trên dòng tiền và hiệu quả dự án. Điều này không chỉ tháo gỡ rào cản tiếp cận vốn cho doanh nghiệp xanh mà còn tạo điều kiện để ngân hàng đa dạng hóa danh mục khách hàng và nâng cao vai trò tài trợ chuyển đổi mô hình sản xuất bền vững.

Thứ hai, việc công bố bộ tiêu chí môi trường và danh mục phân loại xanh ở cấp quốc gia góp phần chuẩn hóa cơ sở xác định dự án xanh, giảm thiểu tình trạng thiếu thống nhất trong đánh giá và báo cáo. Khi hệ thống phân loại được xác lập rõ ràng, các ngân hàng có cơ sở pháp lý vững chắc hơn để thiết kế sản phẩm, thẩm định dự án và công bố thông tin, từ đó nâng cao tính minh bạch và uy tín của hoạt động tín dụng xanh.

Thứ ba, cánh cửa hợp tác quốc tế ngày càng mở rộng mang lại cơ hội tiếp cận nguồn vốn ưu đãi và hỗ trợ kỹ thuật từ các định chế tài chính phát triển. Sự tham gia của các tổ chức như WB, ADB, AFD không chỉ giúp bổ sung nguồn vốn trung và

dài hạn với chi phí hợp lý mà còn hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị rủi ro MTXH và chuẩn hóa quy trình theo thông lệ quốc tế. Đây là yếu tố quan trọng để các ngân hàng trong nước nâng cao chất lượng tín dụng xanh và hội nhập sâu hơn vào thị trường tài chính bền vững toàn cầu.

Cuối cùng, sự chuyển dịch mạnh mẽ của doanh nghiệp và người dân sang các mô hình kinh doanh xanh, bao gồm đầu tư tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo, logistics xanh và nông nghiệp tuần hoàn, đang tạo ra nhu cầu vốn ngày càng lớn. Sự gia tăng cầu tín dụng này mở ra dư địa đáng kể để các ngân hàng mở rộng quy mô, đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao vai trò trung gian tài chính trong tiến trình chuyển đổi xanh của nền kinh tế.

Thách thức

Bên cạnh những cơ hội mở rộng từ chính sách và thị trường, phát triển tín dụng xanh tại các NHTM vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức.

Trước hết, việc thiếu một cơ sở dữ liệu chuẩn hóa và đồng bộ về dự án xanh gây khó khăn cho quá trình thẩm định, giám sát và đo lường tác động môi trường. Khi thông tin về hiệu quả giảm phát thải, tiết kiệm năng lượng hoặc tác động môi trường của dự án chưa được hệ thống hóa đầy đủ, ngân hàng gặp trở ngại trong việc đánh giá chính xác mức độ "xanh" cũng như rủi ro dài hạn của khoản vay. Điều này không chỉ làm gia tăng chi phí giao dịch mà còn ảnh hưởng đến tính minh bạch và khả năng so sánh giữa các dự án.

Thứ hai, cơ chế ưu đãi dành cho tín dụng xanh hiện chưa thực sự đủ mạnh để tạo động lực chuyển dịch quy mô lớn. Các chính sách hỗ trợ về tái cấp vốn, ưu đãi lãi suất hoặc phân bổ hạn mức tín dụng xanh còn hạn chế, trong khi chi phí thẩm định và giám sát các dự án xanh thường cao hơn so với tín dụng truyền thống. Sự thiếu vắng các cơ chế chia sẻ rủi ro hiệu quả có thể làm giảm mức độ sẵn sàng mở rộng danh mục tín dụng xanh của các ngân hàng.

Thứ ba, năng lực thực hành ESG của nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, còn ở mức thấp. Việc thiếu hệ thống báo cáo MTXH, thiếu chiến lược chuyển đổi xanh rõ ràng và hạn chế về năng lực quản trị khiến quá trình tiếp cận tín dụng xanh gặp khó khăn. Điều này làm ảnh hưởng nguồn cung dự án đạt tiêu chuẩn, đồng thời gia tăng rủi ro thông tin bất cân xứng đối với ngân hàng.

Ngoài ra, nguồn vốn cho phát triển tín dụng xanh còn hạn chế. Thị trường trái phiếu xanh trong nước còn ở giai đoạn sơ khai, quy mô nhỏ và chưa đa dạng hóa nhà đầu tư, dẫn đến hạn chế trong việc hình thành hệ sinh thái tài chính xanh đồng bộ. Các thủ tục huy động vốn từ các tổ chức quốc tế còn phức tạp, cùng với sự khác biệt giữa quy định nội địa và tiêu chuẩn toàn cầu, cũng tạo thêm chi phí tuân thủ và kéo dài thời gian triển khai dự án.

4. Kết luận và đề xuất

Tín dụng xanh tại Việt Nam đang phát triển theo xu hướng tích cực, phù hợp với định hướng tăng trưởng xanh và cam kết phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn còn những hạn chế về khung pháp lý, dữ liệu phát thải, năng lực quản trị rủi ro MTXH và cơ chế khuyến khích, đòi hỏi sự hoàn thiện đồng bộ cả về thể chế lẫn hạ tầng kỹ thuật nhằm bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả và bền vững của dòng vốn xanh.

Trong thời gian tới, cần xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về phát thải, năng lượng và đa dạng sinh học, đồng thời chuẩn hóa quy định đo lường và kiểm kê khí nhà kính. Bên cạnh đó, cần thiết ban hành chính sách ưu đãi và thành lập quỹ bảo lãnh xanh quốc gia để chia sẻ rủi ro với ngân hàng; đẩy mạnh hoạt động chức đào tạo nâng cao năng lực thực hành ESG cho doanh nghiệp; sớm hoàn thiện khung pháp lý về trái phiếu xanh theo tiêu chuẩn quốc tế và phát triển thị trường thứ cấp; đồng thời tăng cường hợp tác quốc tế, tiệm cận các chuẩn mực toàn cầu và đơn giản hóa thủ tục phê duyệt nhằm rút ngắn thời gian triển khai dự án xanh.

Tài liệu tham khảo

Aizawa, M., & Yang, C. (2010). Green Credit, Green Stimulus, Green Revolution? China's Mobilization of Banks for Environmental Cleanup. The Journal of Environment & Development, 19(2), p. 119-144.

Nguyễn Kim Anh (2023). Ngân hàng với tăng trưởng xanh, Hà Nội: Nhà xuất bản Phụ Nữ Việt Nam.

Chính phủ (2021). Quyết định số 1658/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, ban hành ngày 1/10/2021.

Chính phủ (2025). Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh, ban hành ngày 4/7/2025.

Danye, Huang (2020). Research on the impact of green credit on profitability of commercial banks in China. Modern Economy, 11 (12), 2819-2832.

He, L., Zhang, L., Zhong, Z., Wang, D., & Wang, F. (2019). Green credit, renewable energy investment and green economy development: Empirical analysis based on 150 listed companies of China. Journal of Cleaner Production, 208, 363-372.

Jing-Yu, Liu; Xia Yan; Fan Ying; Lin Shih-Mo; Wu Jie (2015). Assessment of a green credit policy aimed at energy-intensive industries in China based on a financial CGE model. Journal of Cleaner Production, 103, 1-10.

Ngân hàng Nhà nước (2025). Báo cáo tổng thuật đẩy mạnh triển khai Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, Hà Nội.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2018). Quyết định 1604/QĐ-NHNN về việc phê duyệt Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam, do Thống đốc NHNN Việt Nam ban hành ngày 07 tháng 08 năm 2018.

Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2020). Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020.

Nguyễn Thúy (2025). "Dư nợ tín dụng xanh ước đạt khoảng 850.000 tỷ đồng," Tạp chí Kinh tế - Tài chính, 15/12/2025. [Online].

Wanting, Xie (2020). Research on the Impact of Green Credit on the Financial Performance of Commercial Banks. Financial Engineering and Risk Management, 3, 127-136.

World Bank Group. (2022). Vietnam Country Climate and Development Report. World Bank, Washington, DC. openknowledge.worldbank.org

Zhang, Bing; Yang Yan; Bi Jun (2011). Tracking the implementation of green credit policy in China: Top-down perspective and bottom-up reform. Journal of Environmental Management, 1321-1327.

Báo cáo thường niên của các ngân hàng Agribank, BIDV, MB, Vietcombank, VietinBank năm 2024.